TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 64/2019/DS-ST
Ngày: 30/11/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.
2. Ông Nguyễn Đăng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2019/TLST – DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972.
HKTT: Thôn 5, xã Ngh Tr, huyện BĐ, tỉnh BP.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ninh Thị Nguyên H, sinh năm 1987. (Có mặt).
Địa chỉ: ấp 9, xã TL, huyện ĐP, tỉnh BP.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1974. (Vắng mặt).
HKTT: Thôn 8, xã Ngh Tr, huyện BĐ, tỉnh BP.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H, sinh năm 1974. (Vắng mặt).
HKTT: Thôn 8, xã Ngh Tr, huyện BĐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên trong năm 2019 bà H cho vợ chồng anh H chị Th vay 02 lần tiền tổng cộng là 150.000.000đ. Trong đó ngày 09/01/2019 vay 100.000.000đ, thời hạn trả là ngày 09/6/2019, không thỏa thuận tiền lãi; Ngày 30/01/2019 vay

50.000.000đ, thời hạn trả là 03 tháng, không thỏa thuận tiền lãi. Chị Th là người trực tiếp thỏa thuận, viết giấy và nhận tiền; Anh H không trực tiếp thỏa thuận và nhận tiền nhưng chứng kiến bà H giao tiền; Mục đích vay tiền chị Th nói là để kinh doanh mua mủ cao su. Tất cả các khoản vay đều đã quá hạn, bà đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng anh H chị Th không trả nên khởi kiện yêu cầu anh H chị Th trả số tiền vay là 150.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi 1,25%/tháng, tổng tiền lãi của hai khoản vay là như sau: Khoản vay 100.000.000đ x 1.125%/ tháng x 6 tháng = 6.500.000đ. Khoản vay 50.000.000đ x 5 tháng x 1.125%/ = 2.810.000đ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thu Th; ông không đồng ý cùng bà Th trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H, do bà Th vay tiền của bà H ông không biết, không chứng kiến; ông không ký giấy vay tiền nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về cá nhân bà Th; Ông xác nhận có nói chuyện với bà H về việc trả nợ khoản nợ của bà Th là đúng, trong cuộc nói chuyện có nội dung ông đồng ý trả thay cho bà Th là vì tình nghĩa lối xóm và có quan hệ làm ăn với bà H; Ngoài ra bà Th còn có tài sản chung với ông, sau này khi ly hôn sẽ trừ vào phần tài sản của bà Th được chia, nhưng với điều kiện ông trả làm nhiều lần và trong thời gian dài.

Ngày 01/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Lê Văn H do giấy vay tiền chỉ có mình bà Th ký nhận, quá trình giải quyết vụ án do ông H không thừa nhận khoản nợ nên yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu Th phải trả toàn bộ khoản nợ 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ nội dung ghi trên 02 bản giấy kẻ học sinh, không ghi tiêu đề nguyên đơn nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện; Giấy thứ nhất có nội dung: "*nay ngày 9/1/2019 tôi Nguyễn Thị Thu Th – 1974 – có mượn của chị H số tiền là 100.000.000 – một trăm triệu chẳng đến tháng 9/6/2019 dương lịch tôi trả lại cho chị H;* Giấy thứ hai có nội dung "*30/1/2019 Tôi tên là Nguyễn Thị Thu Th – tôi có mượn của H số tiền là 50.000.000đ, bằng chữ năm mươi triệu, hẹn 3 tháng tôi trả lại".* Cả hai giấy nêu trên đều có chữ ký và chữ viết họ, tên phía dưới là *"Nguyễn Thị Thu Th".*

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng hai khoản vay trên ông H đều biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông H không thừa nhận, mặc dù ông H đồng ý trả tiền cho bà H nhưng là trả thay cho bà Th vì hiện nay bà Th đã bỏ đi khỏi địa phương, ông đang quản lý tài sản chung của ông với bà Th có trong thời kỳ hôn nhân, nhưng ông chỉ có khả năng trả cho bà H mỗi năm từ 20 đến 30 triệu đồng. Bà H không đồng ý phương án trả nợ thay của ông H nên đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông H, đồng thời giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả toàn bộ khoản nợ 150.000.000đ.

Căn cứ vào nội dung các giấy vay tiền mà bà H đã nộp cho Tòa án ở trên cũng như lời khai của ông H là chồng bà Th, có cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Thu Th là người trực tiếp vay của bà H số tiền 150.000.000đ như nội dung khởi kiện của bà H là đúng.

[2] Về việc cư trú của bị đơn:

Trước khi bà H kiện vợ cH ông H bà Th yêu cầu thanh toán nợ thì ngày 05/6/2019 ông H nộp khởi kiện xin ly hôn với bà Th tại Tòa án. Trong tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện của ông H có kèm bản tự khai của bà Th đề ngày 05/6/2019 trình bày về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với ông H; Hai con lớn đã thành niên, một con nhỏ giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; Tài sản, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa thụ lý vụ án hôn nhân gia đình đã ghi lời khai các con chung của ông H bà Th là chị Lê Thị Tuyết Nh, sinh năm1995 và anh Lê Quang Tr, sinh năm 1998. Chị Nh và anh Tr xác nhận là con ruột của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Th thường xuyên bỏ nhà đi, thi thoảng mới về nhà sau đó lại đi, nhưng không biết bà Th đi đâu, ở đâu.

Nội dung các biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi bà Th cư trú, xác định bà Th có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã ĐL, huyện BĐ, tỉnh BP. Khoảng từ tháng 6/2019 bà Th thường xuyên không có mặt tại địa phương; bà Th đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết, thi thoảng bà Th có về nhà sau đó lại bỏ đi.

Như vậy, việc bà Th vay tiền của bà H đến thời hạn không trả mà bỏ đi khỏi địa phương, không báo chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ cư trú mới cho bà H biết là cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Th không đến Tòa án giải quyết vụ án, cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên coi như đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nghĩa vụ trả nợ: Do ông H không thừa nhận khoản nợ trên là nợ chung của ông và bà Th, phía nguyên đơn không có tài liệu chứng minh đồng thời đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông H. Vì vậy, cần buộc bà Th trả có nghĩa vụ trả cho bà H toàn bộ số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi được tính như sau:

Khoản tiền 100.000.000đ vay ngày 09/01/2019, hạn trả ngày 09/6/2019, tiền lãi pH trả tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày 30/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 05 tháng 20 ngày x 10%/năm = 4.722.000đ; Khoản tiền 50.000.000đ vay ngày 30/01/2019, hạn trả ngày 30/4/2019, tiền lãi tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/11/2019 là 06 tháng 29 ngày x 10%/năm = 2.902.773đ. Tổng hai khoản tiền lãi là 4.722.220 + 2.902.773 =

7.624.773đ. Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn pH trả cho nguyên đơn là 157.624.773đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn pH nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 275, 351, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị H đối với bị đơn Nguyễn Thị Thu Th; Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải trả cho bà Lê Thị H số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 157.624.773đ (một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 7.881.238đ án phí dân sự sơ thẩm; Bà Lê Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.980.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009640 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN VĂN HUỆ